

# CHUYÊN ĐỀ XI. CÂU ĐIỀU KIỆN

## A. Kiến thức lý thuyết

- Câu điều kiện (conditional sentences) được dùng để miêu tả, giải thích một sự việc có thể xảy ra khi điều kiện đang được nói đến trong câu xảy ra.

- Câu điều kiện thường có hai mệnh đề: mệnh đề chính (main clause - còn gọi là mệnh đề kết quả) và mệnh đề phụ bắt đầu bằng **if** (mệnh đề điều kiện - if clause).

- Mệnh đề phụ điều kiện có thể đứng trước hoặc sau mệnh đề chính. Khi mệnh đề phụ đứng trước thì phải ngăn cách bằng dấu phẩy

*E.g. If the weather is fine this afternoon, we'll go to the beach.*

*I would buy that dress if I were you.*

### 1. Câu điều kiện loại 0 (Zero Conditional)

a. Cấu trúc

<b>If clause</b>	<b>Main clause</b>
(Hiện tại đơn)	(Hiện tại đơn)
If + S + V <sub>s/es</sub>	S + V <sub>s/es</sub>

b. Cách dùng

- Để diễn tả những điều luôn luôn đúng hoặc một sự thật hiển nhiên.

*E.g. If you heat water to 100°C, it boils.*

Có thể thay *if* = *when* khi diễn đạt những tình huống được coi là chân lí.

*When the sun goes down, it gets dark.*

- Để hướng dẫn, chỉ bảo ai đó làm gì bằng cách sử dụng mệnh lệnh thức (imperative) trong mệnh đề chính.

*E.g. If you want to come, call me before noon.*

- Để nói về thói quen hay hành động, sự việc thường xuyên xảy ra ở hiện tại.

*E.g. My father usually takes me to the cinema if I get good marks.*

### 2. Câu điều kiện loại 1 (First Conditional)

a. Cấu trúc

<b>If clause</b>	<b>Main clause</b>
(Hiện tại đơn)	(Tương lai đơn)
If + S + V <sub>s/es</sub>	S + will / shall + V

b. Cách dùng

- Để diễn tả một sự kiện hay tình huống có thể xảy ra hoặc có thể thực hiện được ở hiện tại hoặc tương lai.

*E.g. If the rain stops, I will go for a walk.*

\* Thay vì dùng thì tương lai đơn ở mệnh đề chính, ta có thể dùng *can/may/might...* + V.

*E.g. If it rains, they might cancel the match.*

### 3. Câu điều kiện loại 2 (Second Conditional)

a. Cấu trúc

#### If clause

(Quá khứ giả định / quá khứ đơn)

If + S + V<sub>ed</sub>

#### Main clause

(Tương lai trong quá khứ)

S + *would* + V

\* Quá khứ giả định giống quá khứ đơn và *to be* được chia là *were* cho tất cả các ngôi

b. Cách dùng

Để diễn tả một tình huống hay sự kiện không thể xảy ra hoặc không thể thực hiện được ở hiện tại hoặc tương lai.

*E.g. If Nam were here, he would know the answer. (But he isn't here now.)*

\* có thể dùng *cough/might...* + V ở mệnh đề chính

### 4. Các số cách diễn đạt câu điều kiện khác

- **unless = if not** (trừ phi, trừ khi)

*E.g. If he doesn't come, I'll bring this package to him.*

→ *Unless he comes, I'll bring this package to him.*

- **in case** (phòng khi điều gì có thể xảy ra): trong mệnh đề theo sau *in case*, thường dùng thì *hiện tại đơn* hoặc *quá khứ đơn*, không dùng *will* hoặc *would*

*E.g. I always take an umbrella in case it rains.*

→ *I always take an umbrella because it may rain.*

- **with / without** và **but for** + danh từ / cụm danh từ: được dùng như một dạng rút gọn của mệnh đề *if*

**E.g.** *If you help me, I can finish this assignment.*

→ *With your help, I can finish this assignment.*

- **If it weren't for** + danh từ = *without*, nếu không vì, nếu không có

**E.g.** *If it weren't for/ Without your support, I couldn't finish the task on time.*

- **suppose /supposing**: giả sử

**E.g.** *Supposing (that) you are wrong, what will you do then?*

*Suppose you lost your job tomorrow, what would you do?*

- **provided/providing**: miễn là

*E.g. Provided that you have the money in your account, you can withdraw up to £100 a day.*

## B. Luyện tập

**Exercise 1: Write the correct form of the verb in brackets to complete each of the following sentences.**

1. If I were in London, I (visit) \_\_\_\_\_ my sister.
2. \_\_\_\_\_ (you / go) with me if you are free tomorrow?
3. If he (not like) \_\_\_\_\_ this bike, I will give it to you.
4. \_\_\_\_\_ (you / buy) that car if you (be) \_\_\_\_\_ Tom?
5. \_\_\_\_\_ (you / go) camping unless it (rain) \_\_\_\_\_?

**Exercise 2: Rewrite these sentences, beginning with the given words.**

1. Working so much will make you tired.  
→ If
2. I am not you. I can't understand your problems.  
→ If
3. If they don't have money, they will not buy it.  
→ Unless
4. Unless she has free time, she will not go shopping.  
→ If she
5. You are not in my shoes. You can't understand my dilemmas.  
→ If

**Exercise 3: Choose the best answer (A, B, C, or D) to complete each of The following sentences.**

1. I wouldn't go there at night if I \_\_\_\_\_ you.  
A. am                                      B. would be                                      C. were                                      D. had been
2. If they had enough time, they \_\_\_\_\_ head south.  
A. will                                      B. can                                      C. must                                      D. might
3. If you had the chance, \_\_\_\_\_ you go fishing?  
A. did                                      B. may                                      C. would                                      D. do
4. Trees won't grow \_\_\_\_\_ there is enough water.  
A. if                                      B. when                                      C. unless                                      D. as
5. If you \_\_\_\_\_ to be chosen for the job, you'll have to be experienced  
A. want                                      B. wanted                                      C. had wanted                                      D. wants